

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2022

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ, TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Hiền

2. Bà Vũ Thị Toan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1999 "vắng mặt"

Nơi ĐKKHKT: Thôn ĐL, xã TD, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Chỗ ở hiện nay: Đội 3, xã DC, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 1998 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã TD, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Ma Gia B, sinh ngày 05/6/2018;

Người đại diện hợp pháp cho cháu Bảo: Chị Đoàn Thị Thu H là mẹ đẻ.

Người làm chứng:

- Bà Đinh Thị L, sinh năm 1979 (mẹ đẻ chị H); Địa chỉ: Đội 3, xã DC, huyện T, tỉnh Hưng Yên "vắng mặt"

- Ông Ma Văn Gi, sinh năm 1952 (bố đẻ anh T); Địa chỉ: Thôn ĐL, xã TD, huyện T, tỉnh Hưng Yên "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Ma Văn T tự do tìm hiểu, quyết định tiến tới hôn

nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục chung, đăng ký kết hôn ngày 25/3/2019 tại UBND xã TD, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, ham chơi bạn bè không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị và bố mẹ hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không nghe, còn chửi bới xúc phạm chị nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung. Đến tháng 5 năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị đưa con về gia đình bố mẹ đẻ tại Đội 3, xã DC, huyện T, tỉnh Hưng Yên ở từ đó cho đến nay. Anh T có đến thăm con hai lần được một lúc rồi lại đi chứ không tìm chị về, vợ chồng không nói chuyện gì với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Ma Gia B, sinh ngày 05/6/2018. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhiều lần triệu tập anh Ma Văn T đến làm việc lấy lời khai và hoà giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án không biết quan điểm, ý kiến của anh T về các vấn đề trên.

Người làm chứng bà Đinh Thị L là mẹ đẻ chị H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H sống cùng gia đình nhà chồng tại Thôn ĐL, xã TD. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về lối sống, anh T lại chơi bời không tu chí làm ăn, ít quan tâm tới vợ con. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Đến tháng 5 năm 2021 anh chị mâu thuẫn trầm trọng, chị H đưa con về gia đình bà ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Anh chị có 01 con chung là cháu Ma Gia B, sinh ngày 05/6/2018 hiện đang ở với chị H. Trước yêu cầu ly hôn của chị H, bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

Ông Ma Văn Gi là bố đẻ anh T trình bày: Gia đình ông tổ chức lễ cưới cho anh T, chị H vào tháng 12/2017, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện T ngày 25/3/2019. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 chị H xin phép đưa con về nhà bố mẹ đẻ chơi ít ngày nhưng sau đó chị H không về chung sống với anh T nữa. Do anh chị ít tâm sự với ông nên ông không nắm được mâu thuẫn vợ chồng anh chị. Anh T, chị H đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2021 đến nay, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh chị đã có 01 con chung là cháu Ma Gia B, sinh ngày 05/6/2018, tài sản chung giữa hai bên không có gì liên quan. Trước yêu cầu ly hôn của chị H, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T đi làm ép cọc bê tông nhà, nay đây mai đó, thỉnh thoảng mới về. Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và văn bản tố tụng khác gia đình ông đều nhận được và thông báo cho anh T biết nhưng anh T bận công việc không đến Tòa án làm việc.

Xác minh tại UBND xã TD được biết anh T, chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã TD ngày 25/3/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 16. Anh T, chị H đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do không hợp nhau về lối sống, anh T ham chơi bởi không chịu làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã. Chị H đã đem con về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã DC, huyện T, tỉnh Hưng Yên, còn anh T vẫn ở cùng bố mẹ đẻ tại Thôn ĐL, xã TD, huyện T. Những lần Tòa án gửi văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh T, UBND xã đều giao trực tiếp cho anh T và gia đình nhận. Vợ chồng anh T có 01 con chung là cháu Ma Gia B, sinh ngày 05/6/2018.

Tòa án nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T có mặt trình bày đồng ý ly hôn, để chị H nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn cương quyết xin ly hôn. Anh T đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Giao cháu Ma Gia B cho chị H được quyền chăm sóc nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, nợ nần: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Đoàn Thị Thu H khởi kiện ly hôn anh Ma Văn T có nơi cư trú tại Thôn ĐL, xã TD, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tiên Lữ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án

triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 11/01/2022 nên Tòa án huyện Tiên Lữ đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 25/01/2022. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì dịch bệnh nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu H và anh Ma Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã TD ngày 25/3/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống, anh T không tu chí làm ăn, ít quan tâm tới vợ con nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bố mẹ hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo, tìm cách khắc phục mâu thuẫn để anh chị chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi dạy con nhưng không được. Tòa án nhiều lần triệu tập anh T lên lấy lời khai, hoà giải để anh chị chung sống đoàn tụ nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa lần hai anh T có mặt trình bày không còn tình cảm vợ chồng với chị H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xác định anh chị không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên tòa.

[3]. Về con chung và tài sản chung: Anh chị có 01 con chung là Ma Gia B, sinh ngày 05/6/2018. Ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H trình bày hiện đang làm công nhân Công ty TNHH Giấy Ngọc Tê mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 8.500.000đ đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử có xem xét việc chị H hiện là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo và trong quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ anh T có tình vắng mặt. Tại phiên tòa, anh T đồng ý để chị H nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Bảo cho chị H tiếp tục nuôi nuôi dưỡng chăm sóc, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, công sức nợ nần: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu H được ly hôn anh Ma Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Ma Gia B, sinh ngày 05/6/2018 cho chị H được quyền nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004512 ngày 19/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã TD (GCNKH số 16 ngày 25/3/2019)
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang